

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15/7/2021
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Trần Ngọc Luân.

+ Bà Trần Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã Tảo D, huyện U, thành phố H. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh H. Đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 26/5/2011 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, không tìm được tiếng nói chung và sống không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 7 năm 2013 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2021, anh Đỗ Văn T là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống và thời gian sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị N trình bày. Nay chị N ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do công việc bận anh không tham gia tại toà được, anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T trình bày vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Thuý N, sinh ngày 26/02/2012. Hiện nay cháu N đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Anh T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thuý N, sinh ngày 26/02/2012 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị N. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Đỗ Văn T là bị đơn; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Kg, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Đỗ Văn T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, không ai đề nghị hoãn phiên tòa nên đây là trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 26/5/2011 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 7 năm 2013 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Qua tài liệu xác minh và lời thừa nhận của các đương sự thì mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N ly hôn, anh T nhất trí, cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T có một con chung là cháu Đỗ Thuý Nh, sinh ngày 26/02/2012. Hiện nay cháu N đang ở với chị N được chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bảo đảm tốt về mọi mặt, ý kiến của cháu N xin được ở với mẹ và nguyện vọng của chị N khi ly hôn xin được nuôi cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Xét yêu cầu nuôi con của chị N là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị N, anh T thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 1/2 án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tại phiên tòa chị N xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và xin chịu thay cho cả phần án phí của anh T, được Tòa án chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4

Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thuý N, sinh ngày 26/02/2012 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị N.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (chị N xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn của anh T). Được trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004306 ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị N đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Đại Cương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt